

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 137/2018/DS-PT

Ngày: 26 - 7 - 2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Đoàn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2018/TLPT- DS ngày 31 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2018/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 139/2018/QĐPT-DS ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Mỹ K - sinh năm 1976 (có mặt).

- *Bị đơn:* 1. Ông Liêu Quang Ng, 80 tuổi (vắng mặt).

2. Ông Liêu Văn D, sinh năm 1966 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Liêu Quang Ng: Ông Liêu Văn D (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/10/2016).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thị Đ, 78 tuổi (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Đ: Ông Liêu Văn D (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/10/2016).

2. Ông Liêu Văn B, sinh năm 1973 (vắng mặt).

3. Ông Liêu Văn L, sinh năm 1965 (vắng mặt).

4. Ông Liêu Văn T (vắng mặt).

5. Bà Phan Ngọc H, sinh năm 1962 (vắng mặt).

6. Bà Huỳnh Kiều M, sinh năm 1974 (vắng mặt).

7. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1966 (có mặt).

8. Chị Liêu Kiều L1, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện Đ, tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Ông Liêu Văn D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2016, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Mỹ K trình bày:

Bà K khởi kiện yêu cầu ông Liêu Quang Ng và ông Liêu Văn D có trách nhiệm trả cho bà phần đất bờ ranh đã lấn chiếm có diện tích 857,5m² do bà đứng tên quyền sử dụng, đất tọa lạc ấp Xóm Mới, xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau theo biên bản đo đạc thẩm định ngày 24/8/2016 và ngày 14/6/2017 của Tòa án.

Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Nguyễn Thị T1 tặng cho Bà K và ông Bùi Minh Ch, Bà K và ông Ch đã ly hôn vào ngày 06/12/2012 và có phân chia đất. Sau khi ly hôn thỏa thuận bà nhận toàn bộ phần đất và được Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 13/9/2013 có diện tích 25.777m². Trước đó, phần ranh mặt tiền từ kinh Thầy Ký chạy dài tới mí nhà tường của bà đều là bờ của bà, phía bên ông Ng không có bờ do xô vuông bị lở, từ mí nhà của bà chạy dài ra sau hậu đất thì mỗi bên sử dụng ½ bờ. Đất của bà đang sử dụng khi ly hôn với ông Ch, Tòa án có đo đạc chia đất, giai đoạn thi hành án cũng đo đạc phân chia, đến khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà thì địa chính vào đo đạc là lần thứ 3 đều có ông Ng ra chỉ ranh và cắm trụ đá nhưng hiện nay trụ đá bị thay đổi.

Khoảng tháng 12/2015, chính quyền áp vận động lấy bờ ranh của bà làm lối đi chung tạm thời cho nhiều hộ dân trong Kinh Giữa. Do người dân đi, chạy xe nhiều gây mất an ninh trật tự nên bà không cho đi từ mùa mưa năm 2015 nên phát sinh tranh chấp với ông Ng, ông D. Hiện đất của bà do một mình bà quản lý và sử dụng.

Tại phiên tòa bà K yêu cầu đo đạc sau hậu đất và mặt tiền giữ y theo biên bản thẩm định đất ngày 14/6/2017 và đo đạc giữa đất đồng ý phân chia mỗi bên ½ bờ ranh.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Liêu Văn D trình bày:

Tổng diện tích đất của ông Ng đứng tên quyền sử dụng khoảng 100 công và ông Ng ủy quyền cho ông quản lý toàn bộ phần đất này. Mặt tiền là kinh Thầy Ký chạy dài ra tới kinh Sáu Đông là mặt hậu. Nguồn gốc bờ ranh thì trước đây ông Ng và bà Đ (cha mẹ ông) sử dụng 03 phần, bờ của bà Nguyễn Thị T1 01 phần và sau này bà T1 tặng cho ông Ch và bà K. Thời gian trước khi ông Ch cưới vợ, ông và ông Ch có cự cãi về con bờ ranh này vì ông Ch chỉ có chừa 01m bờ, ông nói chỉ có 01m bờ sao cải tạo sên vét vuông, ông Ch cho rằng có 01m thì sên vét đổ đất lên 01m, sự việc này chỉ cự cãi không có tranh chấp. Khi Tòa án đo đạc chia đất ly hôn giữa bà K và ông Ch thì không có ông tham gia, có ông Ng chỉ ranh thống nhất bờ bên cha ông ba phần tương đương bờ 03m nhưng ông Ch cũng không nói gì. Khi bà K làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có trụ đá nhưng hiện không còn. Năm 2014 thấy học sinh và người dân không có lối ra lộ nhựa nên gia đình ông phát bờ làm đường cho người dân đi bờ của ông. Đối với mặt tiền bà K hoàn toàn không có bờ, việc bà K yêu cầu chia đôi bờ được nhắm thẳng từ hậu ra mặt tiền ông không đồng ý vì phần mặt hậu bờ của bà K chỉ có vài tấc. Tuy nhiên, quá trình

giải quyết ông thống nhất mặt hậu ranh ngay trụ đá là ngay gốc cây mét, còn mặt tiền từ cột điện cao thế đo qua đất bà K 2,5m là ranh chung. Nay bà K không đồng ý và ông cũng không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà K. Ông xác định phần bờ bên ông và ông Ng là 3 phần, bên bà K 1 phần. Tuy nhiên, hiện nay toàn bộ phần bờ đều là của ông và cha ông. Năm 2015 bà K có thuê xáng cuốc của ông mức phần đất từ lộ nhựa trở ra sông mặt tiền để be bờ cho bà K sên sinh, lúc mức đất xong thì còn cây trụ đá và hiện nay ai nhổ bỏ ông không biết.

Hiện ông Ng tặng cho ông Liêu Văn T2 13.632m² (đã tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tới xong); cho ông Liêu Văn B 16.585m², cho ông 20.354m², cho ông Liêu Văn L một phần đất giáp ranh đất ông Bò (ông L hiện sang nhượng lại cho ông Bò). Hiện ông, ông Bò và ông D chưa tách được quyền sử dụng đất từ giấy chứng nhận của ông Ng vì tranh chấp. Phần đất còn lại hiện nay ông Ng giao cho ông Liêu Văn L tạm canh tác, sử dụng. Hộ gia đình của ông Ng có con là ông Liêu Văn T đang sống cùng gia đình; hộ gia đình ông Liêu Văn B có vợ là bà Huỳnh Kiều M, con là Liêu Kiều L1 trên 18 tuổi; hộ gia đình ông Liêu Văn D có vợ là Trần Thị H1; hộ gia đình ông Liêu Văn L có vợ là bà Phan Ngọc H, các con của ông L không cùng quản lý đất với ông L.

Ông Liêu Văn L, bà Trần Thị H1, ông Liêu Văn T, bà Phan Ngọc H trình bày: Thống nhất lời trình bày yêu cầu của ông D là đúng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2018/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Pháp lệnh số 10/2009/PL – UBTVQH ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Mỹ K.

Buộc ông Liêu Quang Ng, bà Phan Thị Đ, ông Liêu Văn D, bà Trần Thị H1, ông Liêu Văn T, ông Liêu Văn B, bà Huỳnh Kiều M, chị Liêu Kiều L1 phải có nghĩa vụ giao trả cho bà Trần Mỹ K diện tích 682,3m² đất tọa lạc ấp Xóm Mới, xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Vị trí được xác định theo biên bản thẩm định và sơ đồ thẩm định đất ngày 14/6/2017 như sau: Từ điểm M7 đo thẳng đến điểm M8O4 lấy ½ bờ gọi là điểm N, từ vị trí điểm N đo qua các điểm M9M10M11 có các hướng tiếp giáp:

Hướng Đông: Điểm M7NM9 dài 466m và điểm M10M11 dài 20,8m tiếp giáp đất ông Ng và ông D;

Hướng Tây: Điểm O5O4O3 dài 466m và điểm O2O1 dài 20,8m tiếp giáp đất của bà K;

Hướng Nam: Điểm M7O5 dài 0,6m tiếp giáp đất còn lại của ông Ng, ông D và bà Nguyễn Thị T1;

Hướng Bắc: Điểm O1M11 dài 2,5m tiếp giáp kinh Thầy Ký.

(Kèm theo biên bản thẩm định và sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 14/6/2017)

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/4/2018, ông Liêu Văn D kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm tuyên giữ y hiện trạng phần bờ tranh chấp cho ông D sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Liêu Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo ông Liêu Văn D, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Án sơ thẩm tuyên xử buộc ông Liêu Quang Ng, bà Phan Thị Đ, ông Liêu Văn D, bà Trần Thị H1, ông Liêu Văn T, ông Liêu Văn B, bà Huỳnh Kiều M, chị Liêu Kiều L1 phải có nghĩa vụ giao trả cho bà Trần Mỹ K diện tích 682,3m² đất tọa lạc ấp Xóm Mới, xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau; ông Liêu Văn D không đồng ý, nên kháng cáo Bản án sơ thẩm, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại không có đơn kháng cáo.

[2] Theo biên bản thẩm định và sơ đồ thẩm định đất ngày 14/6/2017 xem xét thẩm định tại chỗ và bản vẽ đo đạc thể hiện, diện tích phần đất tranh chấp có 682,3m² tọa lạc ấp Xóm Mới, xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, vị trí: Từ điểm M7 đo thẳng đến điểm M8O4 lấy ½ bờ gọi là điểm N, từ vị trí điểm N đo qua các điểm M9M10M11 có các hướng tiếp giáp:

Hướng Đông: Điểm M7NM9 dài 466m và điểm M10M11 dài 20,8m tiếp giáp đất ông Ng và ông D;

Hướng Tây: Điểm O5O4O3 dài 466m và điểm O2O1 dài 20,8m tiếp giáp đất của bà K;

Hướng Nam: Điểm M7O5 dài 0,6m tiếp giáp đất còn lại của ông Ng, ông D và bà Nguyễn Thị T1;

Hướng Bắc: Điểm O1M11 dài 2,5m tiếp giáp kinh Thầy Ký.

[3] Về nguồn gốc đất của ông Liêu Quang Ng do ông Ng và bà Đ khai phá, sử dụng có tổng diện tích theo quyền sử dụng 90.400m² bao gồm thửa 268, 269 và 305; qua đo đạc thực tế (thì lớn hơn), có diện tích 92.506m². Trước khi nguyên đơn và bị đơn tranh chấp đất, thì ông D với bà Nguyễn Thị T1 chưa thống nhất được bờ ranh chung, có tranh chấp với nhau phía tiếp giáp kinh Sáu Đông. Nguồn gốc đất của bà K trước đây là của bà Nguyễn Thị T1 tặng cho bà K và ông Ch, khi bà K và ông Ch ly hôn thì thỏa thuận giao đất lại cho bà K diện tích 25.777m² bao gồm thửa 202 và 245 được Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp Giấy chứng nhận ngày 13/9/2013. Tại đoạn bờ ranh tranh chấp từ kinh Thầy Ký chạy thẳng đến hậu đất bà K, trong đó đất ông Ng cho rằng quản lý các điểm M8M11O1O4 có diện tích tranh chấp 543,9m²; đoạn ông Ng cho ông D và ông D cho rằng quản lý có diện tích tranh chấp 209,3m² bao gồm các điểm M7M8O4O5.

[4] Trước đây, trong vụ án ly hôn và yêu cầu phân chia tài sản là quyền sử dụng đất, ngày 26/7/2012 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và quyết định phân chia quyền sử dụng đất cho bà K, ông Ch tại Bản án hôn nhân gia đình số 89/2012/HNGĐ-ST ngày 06/12/2012 (Bản án có hiệu lực pháp luật). Vào thời điểm này, tại biên bản thẩm định và sơ đồ đo đạc đất của ông Ch, bà K ngày 26/7/2012 thì ông Ng và gia đình ông Ng không tham gia ký giáp ranh. Tuy nhiên, đến quá trình thi hành án thỏa thuận giao đất lại cho bà K quản lý và được cấp quyền sử dụng, thì trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ông Liêu Quang Ng tham gia xác định ranh giới chung và ký tên tại bản “*Mô tả ranh giới, mốc giới thừa đất ngày 18/7/2013*”, từ đó bà K được cấp quyền sử dụng đất là đúng quy định. Tại Công văn số 144/UBND-VP ngày 18/01/2018 của UBND huyện Đầm Dơi xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà K đúng quy định pháp luật. Tại Công văn số 284/BC-UBND ngày 29/3/2018 của UBND huyện Đầm Dơi cũng xác định diện tích đất tranh chấp theo biên bản thẩm định đất vào ngày 24/8/2016 và ngày 14/6/2017 của Tòa án là nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Mỹ K.

[5] Tại cấp sơ thẩm, qua xác minh lời khai của những người làm chứng như bà Nguyễn Thị T1 xác định gia đình bà và gia đình ông Ng có xảy ra tranh chấp bờ ranh này, sau đó bà và ông Ng thỏa thuận cắm ranh bờ của bà 03 phần, bờ ông Ng 04 phần nhưng sau đó các con của ông Ng không đồng ý và nhổ bỏ ranh, vì cho rằng đất của bà không có bờ, nên các bên không thống nhất được ranh chung với nhau. Ông Huỳnh Minh Ch nguyên Bí thư ấp xác định có đứng ra giải quyết giữa bà T1 tranh chấp ranh với ông Ng nhưng không thỏa thuận được vì ông Ng lấy hết bờ, trong khi bà T1 yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ bờ. Ông Dương Công D1 nguyên trưởng ấp xác định chỉ tham gia đo đạc đất khi bà T1 sang nhượng đất cho bà K và xác định vị trí sau hậu đất thỏa thuận phía ông Ng 06 phần bờ, bà K 04 phần bờ; phần đất mặt tiền ông không xác định được vị trí. Ông Trần Văn Mười - Phó ban nhân dân ấp xác định ngày Tòa án đo đạc đất phân chia thì phía sau hậu đất ông Ng với bà K, ông Ch thỏa thuận mỗi bên $\frac{1}{2}$ bờ; đến vị trí mặt tiền thỏa thuận từ trụ điện đo qua đất bà K 01m là ranh chung. Ông Liêu Thành Thái nguyên trưởng ấp xác định tham gia đo đạc đất khi Tòa án thẩm định đất yêu cầu phân chia tài sản là quyền sử dụng đất, ông Ng với ông Ch, bà K thống nhất vị trí sau hậu đất nằm ngay vị trí cây mét và trụ đá trên đất; ông không xác định được ranh giới đất mặt tiền. Người tiến hành đo đạc để cấp quyền sử dụng đất cho bà K xác định ông Ng và bà K thỏa thuận vị trí sau hậu ngay gốc cây mét là $\frac{1}{2}$ bờ nhắm thẳng ra hướng mặt tiền.

[6] Xét vị trí đoạn ranh đất tranh chấp có các điểm M7M8O4O5 theo biên bản thẩm định ngày 14/6/2017 thì thấy rằng: Qua thẩm định thực tế tại đoạn hậu đất bà K điểm M7O5 khoảng cách 0,6m, đoạn này bờ ngang 04m, vị trí điểm O5 là $\frac{1}{2}$ bờ ngay trụ đá và nằm ngay gốc cây mét đã chết do ông D xác định ranh chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, ông D và bà K cùng xác định khi thẩm định trụ đá không nằm trên $\frac{1}{2}$ bờ do đoạn bờ không đồng đều nhau; vị trí ông D chỉ ranh là ông đã xác định bờ ông 07 phần, của bà K 03 phần nên vị trí này nằm lệch về phía hướng đất bà K; bà K cũng xác định vị trí bà xác định ranh là $\frac{1}{2}$ bờ và có 02 cây mét nằm ngang nhau, không cùng một vị trí nên có cơ sở xác định vị trí bà K chỉ

ranh là $\frac{1}{2}$ bờ. Đối với đoạn tranh chấp giữa bờ điểm M8O4 (tiếp giáp đất ông Ng và đất ông Ng tặng cho ông D) khoảng cách 1,4m, đoạn này bờ ngang 3,5m, vị trí điểm O4 ông D chỉ ranh cách mí nước đất bà K đo qua 0,7m; tại cấp sơ thẩm bà K xác định ranh là $\frac{1}{2}$ bờ, nên điểm O4 cách $\frac{1}{2}$ bờ vị trí bà K xác định ranh là 1,05m; ông D xác định ranh chung tại vị trí điểm O4 cách mí nước đất bà K 0,7m nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận. Đồng thời, những người làm chứng xác định trước đây các bên thỏa thuận chia ranh giới là $\frac{1}{2}$ bờ, phù hợp với lời trình bày của bà K trong quá trình giải quyết vụ án bà K cũng xác định nguồn gốc trước đây hai bên sử dụng chung mỗi bên $\frac{1}{2}$ bờ và yêu cầu đoạn giữa và hậu đất chia đôi mỗi bên $\frac{1}{2}$ bờ. Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm bà K và ông D xác định thời gian gần đây ông D đưa xáng cải tạo toàn bộ bờ ranh tranh chấp, nhưng ông D lại cho rằng khi mức đất của bà K để bỏ lên bờ của ông và không được bà K thừa nhận mượn bờ để đất vì bà xác định bỏ đất trên bờ của bà. Do đó, cấp sơ thẩm xác định đoạn tranh chấp này mỗi bên được sử dụng $\frac{1}{2}$ bờ là có căn cứ.

[7] Xét vị trí đoạn ranh tranh chấp các điểm M9M10M11O1O2O3 theo biên bản thẩm định ngày 14/6/2017 thì thấy rằng: Qua thẩm định thực tế tại đoạn mặt tiền điểm M9O3 và điểm M11O1 khoảng cách 2,5m, vị trí điểm M9 đúng theo kích thước quyền sử dụng đất của bà K là điểm O7 đo qua 55,8m, cách trụ điện cao thế 0,2m đo về hướng đất ông Ng. Khi bà K thuê xáng cuốc của ông D be bờ từ lộ nhựa ra kinh Thầy Ký, vị trí bờ là điểm M10M11 nằm thẳng với điểm M9 nhưng ông D và ông Bò đồng ý thực hiện làm bờ cho bà K tại vị trí này, không có ý kiến phản đối. Ngoài ra, trong đoạn tranh chấp bà K có trồng 03 bụi tre, 05 cây tràm núi bông vàng, 01 cây chuối nhưng gia đình ông Ng cũng không có ý kiến. Mặt khác, ông Ng cũng ký xác nhận vào bản "*Mô tả ranh giới, mốc giới thừa đất ngày 18/7/2013*" để cho bà K làm quyền sử dụng đất có kích thước như bà K xác định tại biên bản thẩm định của Tòa án vào ngày 24/8/2016 và ngày 14/6/2017. Đối với ông D xác định ông Ng cũng có ký giáp ranh để bà K làm giấy chứng nhận quyền sử dụng và các lần đo đạc đất của bà K thì ông Ng đều có ra xác định ranh, việc ông D cho rằng điểm O1O2O3 là ranh chung nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh đây là bờ ranh chung. Trong khi đó, những người làm chứng không xác định được ranh chung tại vị trí nào và hiện trạng đoạn bờ này nằm cong về hướng đất của bà K, vị trí trụ điện cao thế nằm trên $\frac{1}{2}$ bờ ranh chung được nhắm thẳng từ đoạn ranh tranh chấp sau hậu đất nhắm thẳng ra hướng mặt tiền. Từ các cơ sở trên, có căn cứ xác định ranh chung là điểm M9M10M11 theo yêu cầu của bà K và theo giấy chứng nhận quyền sử dụng bà K được cấp là có căn cứ được chấp nhận.

[8] Như vậy, đoạn ranh đất tranh chấp từ vị trí điểm M7 đo thẳng đến vị trí điểm M8O4 lấy $\frac{1}{2}$ bờ gọi là điểm N, từ vị trí điểm N đo thẳng đến điểm M9M10M11 có tổng diện tích 682,3m² thuộc quyền sở hữu của bà K nên buộc hộ gia đình ông Ng, ông D trả lại cho bà K (vị trí các điểm được xác định từ điểm O6 đo qua điểm M7 dài 55,4m, từ điểm O7 đo qua điểm M9 dài 55,8m, từ điểm O9 đo qua điểm M11 dài 56,76m). Tại phiên tòa ông D và bà H1 xác định tổng diện tích đất tranh chấp hiện do hộ gia đình ông Ng, ông D cùng quản lý chung phần đất, hộ

gia đình ông Bò cũng có quyền lợi trên đất nên phải có trách nhiệm giao trả đất lại cho bà K là có cơ sở phù hợp.

[9] Tại Công văn số 48/TB-CNVPĐKĐĐ-ĐD ngày 28/02/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đầm Dơi xác định do cán bộ đo đạc tính toán bằng tay nên diện tích đất của bà K được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa chính xác. Tuy nhiên, diện tích chưa chính xác là do cạnh chiều dài đất theo bản vẽ và theo Giấy chứng nhận chưa phù hợp với diện tích, không phải sai số chiều ngang đất nên không ảnh hưởng đến căn cứ xác định ranh chung của các bên đương sự. Do vậy, kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà K là phù hợp.

[10] Từ nhận định trên, xét không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Liêu Văn D, nên cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau : Đề không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

[12] Việc xét xử vắng mặt những người vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm được giải quyết theo trình tự thủ tục luật định.

[13] Do không chấp nhận kháng cáo, nên ông Liêu Văn D phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

[14] Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Liêu Văn D.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2018/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Mỹ K.

1. Buộc ông Liêu Quang Ng, bà Phan Thị Đ, ông Liêu Văn D, bà Trần Thị H1, ông Liêu Văn T, ông Liêu Văn B, bà Huỳnh Kiều M, chị Liêu Kiều L1 phải có nghĩa vụ giao trả cho bà Trần Mỹ K diện tích 682,3m² đất tọa lạc ấp Xóm Mới, xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Vị trí được xác định theo biên bản thẩm định và sơ đồ thẩm định đất ngày 14/6/2017 như sau: Từ điểm M7 đo thẳng đến điểm M8O4 lấy ½ bờ gọi là điểm N, từ vị trí điểm N đo qua các điểm M9M10M11 có các hướng tiếp giáp:

Hướng Đông: Điểm M7NM9 dài 466m và điểm M10M11 dài 20,8m tiếp giáp đất ông Ng và ông D;

Hướng Tây: Điểm O5O4O3 dài 466m và điểm O2O1 dài 20,8m tiếp giáp đất của bà K;

Hướng Nam: Điểm M7O5 dài 0,6m tiếp giáp đất còn lại của ông Ng, ông D và bà Nguyễn Thị T1;

Hướng Bắc: Điểm O1M11 dài 2,5m tiếp giáp kinh Thầy Ký.

(Kèm theo biên bản thẩm định và sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 14/6/2017)

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Trần Mỹ K không phải chịu, bà K đã dự nộp 10.500.000 đồng được nhận lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi. Ông Ng, bà Đ, ông D và bà H1 liên đới chịu 10.500.000 đồng tiền chi phí thẩm định tại chỗ, trong đó ông D và bà H1 phải nộp 5.250.000 đồng, ông Ng và bà Đ phải nộp 5.250.000 đồng. Ông Ng, bà Đ, ông D và bà H1 có trách nhiệm nộp số tiền trên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để hoàn trả lại cho bà K.

Kể từ ngày bà Trần Mỹ K có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Ng, bà Đ, ông D và bà H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm, ông Ng, bà Đ, ông D và bà H1 liên đới chịu 682.300 đồng, trong đó ông D và bà H1 phải chịu 341.150 đồng, ông Ng và bà Đ phải chịu 341.150 đồng. Bà Trần Mỹ K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà K 100.000 đồng dự nộp theo biên lai số 0017795 và 393.000 đồng, dự nộp theo biên lai số 0008542 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Án phí phúc thẩm, ông Liêu Văn D phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp theo biên lai thu số 009770 ngày 23/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu VT(TM:TANDTCM).

Huỳnh Văn Út